

Số: 300 /2025/BC-SHS  
(V/v: Công bố thông tin định kỳ về  
tình hình tài chính năm 2024 đã kiểm toán)

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

**Kính gửi:** - Sở GDCK Hà Nội;  
- Trái chủ sở hữu trái phiếu SHS

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số: 0102524651 Ngày cấp: 15/11/2007 Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại: 02438181888 Số fax giao dịch: 02438181688
- Địa chỉ thư điện tử: congbothongtin@shs.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Chứng khoán
- Mã số thuế: 0102524651

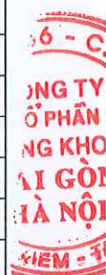
2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo năm (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024). Trong đó: đối với kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi còn dư nợ trái phiếu trong kỳ báo cáo. Đối với kỳ báo cáo năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi còn dư nợ trong 6 tháng cuối năm.

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo (trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời ghi rõ nguồn báo cáo):



Chỉ tiêu	Kỳ trước*	Kỳ báo cáo
<b>1. Vốn chủ sở hữu (đồng)</b>	<b>10.263.510.744.618</b>	<b>11.211.165.210.385</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.853.320.430.800	8.853.320.430.800
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	77.136.777.489	77.136.777.489
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.381.782.440.749	2.377.396.869.816
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(48.728.904.420)	(96.688.867.720)
- Chênh lệch tỷ giá	-	-
<b>2. Tổng số nợ phải trả (đồng)</b>	<b>1.193.696.795.393</b>	<b>2.816.524.554.168</b>
- Nợ vay ngân hàng	892.000.000.000	2.141.000.000.000
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	-	-
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	-	-
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	-	-
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	-	-
- Nợ phải trả khác	-	-
+ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11.121.656.000	125.170.000
+ Phải trả người bán ngắn hạn	3.215.160.000	298.493.134.227
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.770.500.000	1.960.727.273
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	44.249.608.201	100.967.212.960
+ Phải trả người lao động	28.669.030.548	54.545.236.491
+ Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	1.942.972.277	2.594.168.617
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	24.452.583.784	32.755.011.157
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.164.000	16.164.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.125.721.664	7.834.844.859
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	104.941.814.283	85.489.502.247
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25.000.000	25.000.000
+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	73.166.584.636	90.718.382.337
<b>3. Cơ cấu vốn (lần):</b>		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,10	0,20
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,25
<b>4. Khả năng thanh toán (lần):</b>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	10,16	5,11
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn)	10,16	5,11
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	12,65	20,61
<b>5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):</b>		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu	-	-
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu	-	-
<b>6. Lợi nhuận (đồng):</b>		



- Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	684.173.498.675	1.239.290.751.955
- Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	559.293.397.570	1.015.614.429.067
- Lũy kế (nếu có)	-	-
<b>7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):</b>		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,07
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,09
<b>8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có)</b>	<b>491,96%</b>	<b>717,36%</b>

*Ghi chú:* \* Kỳ trước là cùng kỳ 06 tháng của năm trước đối với kỳ báo cáo 06 tháng và cùng kỳ của năm trước đối với kỳ báo cáo năm.

\*\* Số liệu về tình hình tài chính được tính toán từ báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện

\*\*\* Trường hợp trái phiếu/khoản vay bằng ngoại tệ thì sử dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm lập báo cáo, theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

\*\*\*\* Đối với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành có quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính, phải nêu rõ: loại hình doanh nghiệp, các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại pháp luật nào chuyên ngành, các chỉ tiêu theo báo cáo tài chính được kiểm toán là bao nhiêu và nêu rõ doanh nghiệp có đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật không.

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC chấp nhận toàn phần (nêu rõ tên tổ chức kiểm toán và ý kiến của tổ chức kiểm toán)

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**   
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)



**Trần Thị Vân**  
Phó phòng Kiểm soát nội bộ

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Nguyễn Chí Thành**

